TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 83/2026/HS-ST
Ngày: 02-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thuý Vân;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2026/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Trần Minh Q**; tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 21 tháng 8 năm 2008; tại: tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Trần Minh T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Lệ K, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 30-9-2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. **Nguyễn Thanh Q1**; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh ngày 22 tháng 01 năm 2009; tại: tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 6/12; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 và bà Ngô Thị T1, sinh năm 1985; Chị ruột: Có 01 người; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Tạm giam" tại Phân trại tạm giam B thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T và biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" trong vụ án khác cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. **Trần Anh H**; Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; Sinh ngày 09 tháng 6 năm 2006; tại: tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: V; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Trần Công Đ, sinh năm 1981và bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 30-9-2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Minh Q*: Ông Trần Minh T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Lệ K, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh là cha mẹ của bị cáo Q. Ông T và bà K có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thanh Q1*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 và bà Ngô Thị T1, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh là cha mẹ của bị cáo Q1. Ông C vắng mặt không có lý do, bà T1 có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Q:* Ông Lê Thanh Đ1, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Q1:* Ông Lê Minh H2, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Tang S, sinh năm 1970; nơi thường trú: Thôn V, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tứ Xuyên - Trung Quốc; nơi ở hiện nay: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Võ Công M, công tác tại Hải quan Cửa khẩu quốc tế X - Chi cục Hải quan khu vực XVII, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Người làm công tác xã hội:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, chức vụ: Cộng tác viên công tác xã hội phường T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh H3, chức vụ: Chuyên viên phòng Văn hoá – Xã hội phường T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Võ Đăng T2, sinh năm 1998, trú khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh là công nhân tại Công ty V thuộc khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh, đồng thời làm thuê tại nhà của chị Võ Ngọc Y, sinh năm 1987, trú khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. Do có quan hệ họ hàng với chị T2 nên khoảng 16 giờ ngày 22-6-2025, bị cáo Trần Minh Q đến nhà chị Y để phụ giúp chị T2 dọn dẹp. Trong lúc dọn dẹp, chị T2 kể cho chị Y và bị cáo Q nghe sự việc ngày 22-6-2025, chị

T2 bị bà Tang Shu B1, (quốc tịch Trung Quốc) sinh năm 1970, trú Thôn V, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tứ Xuyên - Trung Quốc (tạm trú tại khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh) – là chủ quản Công ty V bắt lỗi sử dụng điện thoại trong giờ làm việc và thường bị bà Tang Shu B1 chèn ép trong Công ty. Nghe vậy nên bị cáo Q bức xúc và nảy sinh ý định đánh bà Tang Shu B1. Khoảng 19 giờ ngày 23-6-2025, chị Y tổ chức ăn uống tại nhà cùng với chị T2, bị cáo Q, bị cáo Nguyễn Thanh Q1, sinh ngày 22-01-2009 và anh Huỳnh Phước S, sinh năm 1992, cũng cư trú tại khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, bị cáo Q rủ bị cáo Q1 vào Công ty V đánh bà Tang Shu B1 và hứa hẹn sẽ cho tiền thì bị cáo Q1 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ ngày 26-6-2025, bị cáo Q liên hệ bị cáo Trần Anh H, là công nhân của Công ty V và nói đến giờ nghỉ trưa sẽ vào Công ty đánh bà Tang Shu B1, sau khi đánh xong nhờ bị cáo H cất giấu hung khí để tránh bị phát hiện thì bị cáo H đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo Q lấy 02 áo thun công nhân Công ty V do mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Lệ K, sinh năm 1977, trú khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh (là công nhân Công ty V) để ở nhà, mua 02 thẻ đeo bảng tên công nhân không có tên để thuận lợi đi vào Công ty và chuẩn bị 02 cây gậy vũ ba khúc bằng kim loại. Sau đó, bị cáo Q đưa 01 áo thun, 01 thẻ đeo bảng tên và 01 cây gậy vũ ba khúc cho bị cáo Q1 rồi cùng nhau đi vào Công ty V. Khi vào công ty, bị cáo Q và bị cáo Q1 vào nhà vệ sinh khu A đợi đến giờ bà Tang Shu B1 vào làm việc để đánh. Đến 12 giờ 50 phút cùng ngày, thấy bà Tang Shu B1 vào làm việc tại kho xưởng A thì bị cáo Q và bị cáo Q1 cầm theo hung khí đi đến chỗ bà T3 Shu Bi đang đứng rồi cầm gậy vũ ba khúc đánh liên tiếp nhiều cái trúng vào vùng tay và lưng của bà Tang Shu B1 gây thương tích. Sau đó, bị cáo Q và bị cáo Q1 cất giấu hung khí vào bịch nylon màu đen rồi đem ra nhà vệ sinh khu A đưa cho bị cáo H cất giấu. Chờ đến khoảng 16 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc công nhân ra về thì bị cáo Q và bị cáo Q1 đi ra khỏi Công ty. Đến 18 giờ cùng ngày, bị cáo Q đến nhà chị Y chơi và gặp chị T2 nên hỏi mượn chị T2 số tiền 4.000.000 đồng rồi đi mua bia, thức ăn để cùng ăn uống với bị cáo Q1, chị T2, chị Y và anh S tại nhà chị Y. Trong lúc ăn uống, bị cáo Q cho bị cáo Q1 số tiền 2.600.000 đồng là tiền công đi đánh bà T3 Shu Bi với bị cáo Q như đã hứa hẹn trước đó. Sau đó, bị cáo H đi làm về và đem bịch nylon màu đen có chứa 02 cây gậy vũ ba khúc đưa cho bị cáo Q và để trên bàn trước nhà chị Y.

Sau khi bị đánh, bà Tang Shu B1 được đưa đến Bệnh viện Đ2 cấp cứu. Đến ngày 27-6-2025, bà Tang Shu B1 đến Công an phường T, tỉnh Tây Ninh trình báo sự việc và có đơn yêu cầu xử lý hình sự.

Kết luận giám định thương tích số 78/KLTTCT-TTPY, ngày 25-8-2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh T kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Tang Shu B1 là 06%.

Kết luận giám định số 2306/KL-KTHS, ngày 05-11-2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: 01 gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, trên thân có ghi chữ "SHYBOTNTH-26", khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm và 01 gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm gửi đến giám định là dùi cui kim loại (gậy ba khúc) thuộc Phụ lục 4 "Danh mục công cụ hỗ trợ" được quy định trong Thông tư 75/2024/TT/BCA, ngày 15-11-2024 của Bộ trưởng Bộ C2.

Quá trình điều tra, bị cáo Q, bị cáo Q1 và bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Tang Shu B1 yêu cầu bồi thường số tiền 291.467.000 đồng, chưa được bồi thường.

Qua xác minh, bị cáo Q, bị cáo Q1 và bị cáo H không có tài sản nên không kê biên.

Cáo trạng số 53/CT-VKSKV10, ngày 31-12-2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thanh Q1 về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, đ, h, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Trần Anh H về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất với nội dung với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

Bị hại giữ nguyên yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 291.467.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thanh Q1 và Trần Anh H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Về trách nhiệm hình sự:

+Áp dụng theo điểm a, đ, h, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 12, Điều 118 của Luật tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Trần Minh Q 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q.

+ Áp dụng theo điểm a, đ, h, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 12, Điều 118 của Luật tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q1 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Q1.

+ Áp dụng theo điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Anh H 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cảo tại không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng; Căn cứ điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, trên thân có ghi chữ "SHYBOTNTH-26", khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm và 01 (một) gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max số IMEI: 358686418234393, màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số IMEI: 352839110438715, màu xanh (đã qua sử dụng).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm công tác xã hội trình bày: Bị cáo Q và bị cáo Q1 phạm tội khi chưa thành niên và không thuộc trường hợp áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật tư pháp người chưa thành niên, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Q là ông Lê Thanh Đ1 trình bày lời bào chữa: Tại phiên toà ông thay mặt cho bị cáo và gia đình bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại. Về tội danh và mức hình phạt ông thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ mười tám tuổi nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, lần phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có người thân có công với cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là cũng đủ sức răn đe, giáo dục, giúp đỡ bị cáo trở thành công dân tốt. Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và Điều 118 của Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo từ một năm đến một năm sáu tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Q1 là ông Nguyễn Thanh H4 trình bày lời bào chữa: Tại phiên toà ông thay mặt bị cáo và gia đình bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại, ông thống nhất về tội danh và mức hình phạt tại bản luận

tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh. Tuy nhiên, ông phân tích về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình cha mẹ ly hôn, hiện nay bị cáo đang sống cùng với chị ruột và ông bà ngoại nên thiếu sự quan tâm, giáo dục của cha mẹ; bị cáo Q1 mặc dù đang bị truy tố trong vụ án khác nhưng bị cáo chưa bị kết án nên lần phạm tội này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại Điều 5 của Luật tư pháp người chưa thành niên quy định việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 118 của Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Q1 từ một năm đến một năm sáu tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức bồi thường thiệt.

Các bị cáo không tranh luận.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo chưa thành niên xin Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường thiệt hại thấp nhất do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị hại trình bày tranh luận: Bị hại không chấp nhận lời xin lỗi từ bị cáo. Mặc dù các bị cáo là người chưa thành niên, nhưng khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì phải bị xử lý nghiêm; về yêu cầu bồi thường thiệt hại thì bà vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đối đáp: Các bị cáo là người chưa thành niên nên theo quy định của pháp luật hiện hành tại Điều 12 của Luật tư pháp chưa thành niên việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo Q: Bị cáo xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo hứa sẽ sửa chữa rèn luyện bản thân trở thành người công dân tốt.

Bị cáo Q1: Bị cáo hối hận hành vi của bị cáo và hứa không tái phạm nữa.

Bị cáo H: Bị cáo hối hận hành vi của bị cáo và hứa không tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thanh Q1 và Trần Anh H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ cơ sở xác định: Mặc dù giữa các bị cáo với bị hại không có mâu thuẫn từ trước, nhưng khi nghe chị họ là Võ Đăng T2 kể lại sự việc bị hại bắt lỗi chị T2 sử dụng điện thoại trong giờ làm việc, bị cáo Q chỉ vì tức giận mà đã chuẩn bị công cụ, thuê bị cáo Q1 cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại, bàn bạc, thống nhất với bị cáo H giúp sức cất giấu hung khí nguy hiểm là 02 cây gậy vũ ba khúc bằng kim loại sau khi gây thương tích xong. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, sẵn sàng dùng vũ lực để gây thương tích cho người khác, có tính chất côn đồ. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Q và bị cáo Q1 chưa đủ 18 tuổi chưa có sự nhận thức đầy đủ toàn diện, tuy nhiên các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội do các bị cáo đã thực hiện. Bị cáo H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến sức khoẻ của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo Q và bị cáo Q1 đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, đ, i, h, Khoản 1, Điều 134 của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a, đ, i, Khoản 1, Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội:

[3.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc tội phạm ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, sức khỏe là vốn quý của mỗi cá nhân và là nền tảng để mỗi người lao động, phát triển, quyền an toàn về sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền nhân thân, sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn thể hiện sự xem thường pháp luật, làm mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, biết tôn trọng pháp luật, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[3.2] Vụ án có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự bàn bạc từ trước, chuẩn bị công cụ, phương tiện gây thương tích hoặc tổn hại sức khoẻ cho người khác, có sự phân công vai trò rõ ràng. Do đó, vụ án mang tính chất đồng phạm có tổ chức. Bị cáo Q giữ vai trò là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ thực hiện hành vi phạm tội và là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo Q phải chịu mức hình phạt nặng hơn các bị cáo khác. Bị cáo Q1 là người thực hành cùng với bị Q trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại, nên bị cáo Q1 chịu mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo Q. Đối với bị cáo H tuy không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng là người giúp sức cho bị cáo Q cất giấu vũ khí nên bị cáo H chịu mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo Q. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Q chưa đủ 18 tuổi và bị cáo Q1 chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, cần áp dụng các quy định riêng dành cho người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2025.

[4] Khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo.

[4.1] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Q:

Về nhân thân: Bị cáo Q không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người chưa thành niên không có tài sản, đã đồng ý để mẹ là bà Nguyễn Thị Lệ K bồi thường thiệt hại cho bị hại, nhưng bị hại từ chối nhận và bà K đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng theo hai số tiết kiệm có kỳ hạn số AC1246311 số tiền 30.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân C, tỉnh Tây Ninh, để sẵn sàng thực hiện việc bồi thường thiệt hại khi có yêu cầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có người thân được tặng bằng khen đã góp công góp sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Q1:

Về nhân thân: Bị cáo Q1 không có tiền án, tiền sự, nhưng trước đó ngày 01-6-2025, bị cáo đã bị khởi tố về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự đến nay chưa bị kết án nhưng đến ngày 26-6-2025 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H:

Về nhân thân: Bị cáo H không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cùng với các bị cáo khác dùng tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại, nhưng bị hại từ chối nhận nên thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị Lệ K gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân C, tỉnh Tây Ninh theo sổ tiết kiện có kỳ hạn số AC1246455 số tiền 20.000.000 đồng, để sẵn sàng thực hiện việc bồi thường thiệt hại khi có yêu cầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với bị cáo Q và bị cáo Q1 khi phạm tội và tại thời điểm xét xử các bị cáo là người chưa thành niên không đủ điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Luật tư pháp người chưa thành niên. Bị cáo Q và bị cáo Q1 có nơi cư trú rõ ràng và tại Điều 5 của Luật tư pháp người chưa thành niên quy định việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Đối với bị cáo H là người thành niên tham gia trong vụ án với vai trò giúp sức, có nơi làm việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử xét thấy cũng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng thể hiện tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo Q và bị cáo Q1 khi phạm tội và tại thời điểm xét xử các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, các bị cáo chưa có việc làm, thu nhập

nên không khấu trừ thu nhập. Bị cáo H không có nghề nghiệp ổn định nên không khấu trừ thu nhập.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm sức khoẻ của bị hại gây thiệt hại nên các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định tại Điều 584, Điều 587 của Bộ luật Dân sự 2015. Mức bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm bao gồm các chi phí được theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 7 của Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[7.2] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại, bị cáo Q và bị cáo Q1 là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi, không có tài sản riêng nên cha mẹ của các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 586 của Bộ luật dân sự.

[7.3] Xét yêu cầu bồi thường chi phí điều trị tiếp theo số tiền 50.000.000 đồng. Căn cứ Điều 3 của Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì "Thiệt hại thực tế" là thiệt hại đã xảy ra, được tính thành tiền tại thời điểm giải quyết bồi thường; thiệt hại phát sinh sau thời điểm giải quyết bồi thường lần đầu được xác định tại thời điểm giải quyết bồi thường lần tiếp theo nếu có yêu cầu của người bị thiệt hại. Do đó, yêu cầu bồi thường chi phí điều trị tiếp theo 50.000.000 đồng không có cơ sở chấp nhận.

[7.4] Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 117.000.000 đồng. Xét thấy, giữa bị cáo Q, bị cáo Q1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo với bị hại không thoả thuận được về mức bồi thường tổn thất tinh thần. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 590 của Bộ luật dân sự và mức tỷ lệ tổn thương cơ thể là 6%, Hội đồng xét xử chấp nhận mức bồi thường tổn thất tinh thần là 10 lần mức lương cơ sở là: 10 x 2.340.000 đồng/tháng = 23.400.000 đồng.

[7.5] Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 584, khoản 2 Điều 586, Điều 587, Điều 590 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm cho bị

hại số tiền: 81.150.000 đồng, trong đó gồm: Chi phí y tế số tiền 1.000.000 đồng, mất thu nhập số tiền 44.478.000 đồng, tiền thuê người chăm sóc 1.272.000 đồng, tiền bồi dưỡng sức khoẻ 6.000.000 đồng, chi phí đi lại: 2.000.000 đồng, tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 23.400.000 đồng, tiền phiên dịch 3.000.000 đồng. Buộc bị cáo Trần Minh Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q là ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Lệ K là cha mẹ của bị cáo Q bồi thường cho bị hại số tiền 27.050.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thanh Q1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q1 là ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị T1 là cha mẹ của bị cáo Q1 bồi thường cho bị hại số tiền 27.050.000 đồng và bị cáo Trần Anh H bồi thường cho bị hại số tiền 27.050.000 đồng.

[8] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

01 (một) gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, trên thân có ghi chữ "SHYBOTNTH-26", khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm và 01 (một) gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ.

01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max số IMEI: 358686418234393, màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số IMEI: 352839110438715, màu xanh (đã qua sử dụng) là là điện thoại bị cáo Q sử dụng để liên lạc với bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, lại Exciter, màu xanh trắng, biển số 70K1-319.65, số máy G304E138367, số khung 0610FY125762 (đã qua sử dụng) của ông Trần Minh T, không liên quan trong vụ án, đã trả cho ông T theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 20-7-2025.

[9] Về các vấn đề khác:

[9.1] Đối với ông Trần Minh T là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 70K-319.65, bị cáo Trần Minh Q tự ý lấy sử dụng ông T không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý về mặt hình sự và trả lại tài sản cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

[9.2] Đối với Võ Đăng T2 và Võ Ngọc Y, quá trình điều tra xác định T2 và Y không biết việc Trần Minh Q đánh bà Tang Shu B1 nên không xem xét xử lý.

[9.3] Đối với bà Nguyễn Thị Lệ K không biết Trần Minh Q lấy áo công nhân của bà K để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý.

[9.4] Đối với 02 gậy vũ ba khúc là công cụ hỗ trợ, các bị can Trần Minh Q, Nguyễn Thanh Q1 chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến các hành vi về sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ nên không xử lý về tội "Tàng trữ, sử dụng công cụ hỗ trợ" theo quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an tỉnh T đã chuyển Phòng K1 xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo và đề nghị của người làm công tác xã hội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm:

[11.1] Về án phí sơ thẩm hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

[11.2] Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Minh Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q là ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Lệ Kim C1 1.352.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh Q1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q1 là ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị T1 chịu 1.352.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Anh H chịu 1.352.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thanh Q1 và Trần Anh H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a, đ, h, i khoản 1 Điều 134; Điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 118 của Luật tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Trần Minh Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Minh Q cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Trần Minh Q có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Minh Q.

2.2. Áp dụng điểm a, đ, h, i khoản 1 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 118 của Luật tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh Q1 cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh Q1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q1.

2.3. Áp dụng theo điểm a, đ, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Anh H 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Anh H cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Anh H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 584, khoản 2 Điều 586, Điều 587, Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Minh Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q là ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Lệ K bồi thường cho bà T3 Shu Bi số tiền 27.050.000 (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh Q1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q1 là ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị T1 bồi thường cho bà T3 Shu Bi số tiền 27.050.000 (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Trần Anh H bồi thường cho bà T3 Shu Bi số tiền 27.050.000 (hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tạm giữ sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC1246311, ngày 17-11-2025, tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Lệ K tại Quỹ tín dụng nhân dân C, tỉnh Tây Ninh số tiền

30.000.000 đồng và sổ tiết kiện có kỳ hạn số AC1246455, ngày 30-01-2026, tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Lệ K tại Quỹ tín dụng nhân dân C, tỉnh Tây Ninh số tiền 20.000.000 đồng. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh chuyển sổ tiết kiệm này cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Tây Ninh (kèm theo bản án) để phục vụ cho công tác thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, trên thân có ghi chữ "SHYBOTNTH-26", khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm và 01 (một) gậy vũ ba khúc bằng kim loại, cán ốp nhựa màu đen, khi vũ ra dài 64cm, thu lại dài 24cm.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max số IMEI: 358686418234393, màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số IMEI: 352839110438715, màu xanh (đã qua sử dụng).

4.2. Ghi nhận đã trả 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, lại Exciter, màu xanh trắng, biển số 70K1-319.65, số máy G304E138367, số khung 0610FY125762 (đã qua sử dụng) cho ông Trần Minh T theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 20-7-2025.

(*Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 Tây Ninh và được ghi chi tiết tại theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08-01-2026 và ngày 06-3-2026*)

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

5.1. Bị cáo Trần Minh Q, Nguyễn Thành Q2, Trần Anh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Bị cáo Trần Minh Q và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q là ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Lệ Kim C1 1.352.500 (một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Bị cáo Nguyễn Thanh Q1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Q1 là ông Nguyễn Văn C và bà Ngô Thị T1 chịu 1.352.500 (một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.4. Bị cáo Trần Anh H chịu 1.352.500 (một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên và người bào chữa cho các bị cáo chưa thành niên được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niên yết theo quy định của pháp luật.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 10 - Tây Ninh;
- Đội ĐTTP và TTAXH;
- Cơ quan THAHS tỉnh Tây Ninh;
- PTHADS KV 10 – Tây Ninh;
- UBND, Công an Xã/Phường;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Ngô Thị Cẩm Loan